

Bản án số: 37/2024/DS-ST

Ngày: 24-10-2024

V/v Tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn BL, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà A:* Bà Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 3, xã NT, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn ĐÁ, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi và F vụ liên quan:* Ông Mai Thanh D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn ĐÁ, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị E, sinh năm 1985 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Thế F, sinh năm 1982 ủy quyền cho bà Phạm Thị E, sinh năm 1985 tham gia tố tụng (có mặt).

3. Bà Trần Thị G, sinh năm 1984 (*vắng mặt có lý do*).

Cùng nơi cư trú tại: Thôn BL, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2023 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Phạm Thị A và người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị A là bà Huỳnh Thị Ngọc B cùng trình bày:

Bà Phạm Thị A và bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị E là chị em ruột, chồng của bà E là ông Nguyễn Thế F cùng bàn bạc với nhau để thế chấp các quyền sử dụng đất của gia đình để đi vay tiền chung của Ngân hàng vào năm 2019 như sau:

Để đủ điều kiện đi vay tiền của Ngân hàng, bà A, bà E và ông F đồng ý để bà C đứng tên đi vay tiền. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất bà A, bà E và ông F làm thủ tục ký ủy quyền cho bà C làm người đại diện.

Sau khi được các bên ủy quyền, bà C đã vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bù Gia Mập với số tiền là 500.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền thì các bên thống nhất sử dụng số tiền đã vay được chia như sau: Bà A sử dụng số tiền 200.000.000 đồng, bà C, ông D sử dụng số tiền 200.000.000 đồng và bà E, ông F sử dụng số tiền còn lại là 100.000.000 đồng. Lãi suất trả cho Ngân hàng thì các bên cùng nhau đóng góp theo tỷ lệ số tiền sử dụng. Tuy nhiên, do bà C gặp nhiều khó khăn nên bà A phải đi đóng tiền lãi thay cho bà C 18 tháng cho đến ngày tắt toán trả nợ Ngân hàng. Khi đóng tiền lãi thì bà A có đưa tiền cho ông F đi đóng tiền lãi dùm và giữ biên lai lại để làm chứng sau này. Như vậy bà A đã đóng lãi thay của bà C số tiền đi đóng lãi là: 18 tháng x 200.000.000 đồng x 0,82%/tháng = 30.000.000 đồng.

Về số tiền gốc, bà C là người đứng tên vay của Ngân hàng Nông nghiệp còn bà A là người đứng ra trả tiền cho Ngân hàng cụ thể chia A 02 lần như sau: Vào ngày 30 tháng 10 năm 2020 bà A trả trước cho Ngân hàng số tiền gốc là 123.000.000 đồng (*số tiền này bà A đưa cho ông F đi ra Ngân hàng trả*) số tiền gốc còn nợ lại là 377.000.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 6 năm 2021 do không có khả năng tắt toán trả lại số tiền còn lại cho Ngân hàng nên bà A đã bán mảnh đất đã ủy quyền đã thế chấp và lấy nhận tiền cọc từ bên mua là bà Trần Thị G để có tiền cho bà C mượn trả Ngân hàng. Trong nội dung hợp đồng đặt cọc ghi rõ là bà A không được nhận số tiền 377.000.000 đồng mà bà G trực tiếp đem số tiền trên ra Ngân hàng Nông Nghiệp để tắt toán khoản vay trả hết số tiền gốc còn lại cho Ngân hàng. Sau khi bà G trả tiền xong cho Ngân hàng, bà C ra ký các giấy tờ liên quan tắt toán khoản vay và giao hết các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A là người cất giữ gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà C và ông D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên E và ông F và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà A. Sau khi tắt toán tiền cho Ngân hàng thì các bên thống nhất sau 01 tháng sẽ hoàn trả tiền đã vay chung cho bà A. Sau đó, E, ông F đã trả cho bà A số tiền 100.000.000 đồng và đã nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng đối với phần tiền gốc 200.000.000 đồng bà A cho bà C mượn để trả cho Ngân hàng thì bà C đây đưa không

chịu trả nên bà A vẫn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C. Nay, bà A cũng như người đại diện theo ủy quyền là bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và ông D có F vụ liên đới trả cho bà A số tiền gốc bà C đã mượn để trả Ngân hàng Nông nghiệp là 200.000.000 đồng và số tiền lãi đã trả thay là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Thanh D vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 8 năm 2024 của người làm chứng là bà Phạm Thị E, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế F trình bày:

Bà E là em gái ruột của bà A và bà C, còn ông F là chồng của bà E, giữa bà E với bà A, bà C, ông D không có mâu thuẫn gì với nhau từ trước cho đến nay. Vào khoảng cuối tháng 5 và đầu tháng 6 năm 2019, do cần tiền mua rẫy nên vợ chồng bà E, ông F có thể chấp diện tích đất khoảng 05 mét chiều ngang, chiều dài 50 mét đất tại thôn BL, xã BGM cùng với diện tích đất 561.8 m² đứng tên bà A tại thôn BL, xã BGM và diện tích đất 1.843 m² của bà C, ông D (đất đã chuyển nhượng cho bà Thị Giêng là 1.270,9 m²) diện tích đất còn lại của bà C, ông D là 572,1 m² để vay tiền của Ngân hàng, cả ba diện tích đất này đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, vợ chồng bà E, ông F và bà A đã làm hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng Công chứng tại huyện Bù Gia Mập (bà E không nhớ là văn phòng Công chứng nào) cho bà C đi vay chung tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bù Gia Mập với số tiền là 500.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền từ Ngân hàng thì tất cả về nhà bà C ăn cơm, sau đó chia số tiền vay chung nói trên A ba phần. Cụ thể là vợ chồng bà E, ông F vay số tiền là 100.000.000 đồng, vợ chồng ông D, bà C vay số tiền là 200.000.000 đồng, bà A vay số tiền là 200.000.000 đồng. Lúc này chỉ có 03 gia đình với nhau vì là chỗ chị em nên khi chia số tiền 500.000.000 đồng thì không có lập giấy tờ gì và cũng không có người khác chứng kiến. Sau khi nhận được tiền vay thì hai năm đầu bà C trả lãi phần của bà C vay 200.000.000 triệu đồng đầy đủ, phần còn lại của ai thì người đó đóng. Sau đó đến năm 2021, bà C không có tiền đáo hạn Ngân hàng nên vợ chồng bà E, ông F và bà A có bàn bạc với bà C để tìm cách trả tiền nhưng bà C không chịu hợp tác.

Cần nói thêm là vào năm 2020, bà A có trả trước cho Ngân hàng số tiền gốc là 123.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 377.000.000 đồng. Do sợ bị Ngân hàng phát

mãi tài sản nên bà A đã bán diện tích đất thế chấp cho bà G, sau đó bà G đã ra Ngân hàng cùng với vợ chồng bà E, ông F, bà A, bà C để trả thay tiền gốc 377.000.000 đồng mà các bên còn nợ và bà G cầm cả ba cuốn sổ đỏ cùng bà A, bà G đi làm thủ tục công chứng, chứng thực diện tích đất mà bà A đã bán cho bà G. Như vậy, bà A đã trả thay cho bà C số tiền gốc mà bà C còn nợ Ngân hàng là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng, tổng cộng bà C nợ bà A số tiền 230.000.000 đồng là có thật. Hiện nay bà E đã trả số tiền vay chung cho bà A là 100.000.000 đồng và không còn nợ gì.

Tại Bản tự khai ngày 01 tháng 8 năm 2024 của người làm chứng là bà Trần Thị G trình bày:

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2021 bà A đồng ý bán cho bà G diện tích đất 561,8 m² đứng tên bà A tọa lạc tại thôn BL, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, diện tích đất này đang thế chấp tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, để thuận tiện trong việc mua bán và sang tên trong việc mua bán đất, bà G đã tạm ứng trước số tiền 377.000.000 đồng cho bà A và trực tiếp đến Ngân hàng Nông nghiệp để trả số tiền trên thay cho bà A để tắt toán khoản vay và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tôi đã mua của bà A và làm thủ tục công chứng sang tên theo quy định của pháp luật, bà C chỉ là người ký tên trên giấy tờ tại Ngân hàng. Sau khi bà G lấy được các giấy chứng nhận từ Ngân hàng ra, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà G đã mua của bà A thì bà G và bà A đã hoàn tất thủ tục sang tên việc mua bán diện tích đất trên nên bà G không có yêu cầu gì.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà A. Buộc bà C và người có nghĩa vụ liên quan ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền là gốc bà A đã trả thay cho bà C là 200.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tính số tiền lãi mà bà A đã trả thay cho bà C là 30.000.000 đồng do bà A rút yêu cầu.

Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn là bà A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn là bà C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông D có nơi cư trú tại thôn ĐÁ, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là bà C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà C, ông D vẫn vắng mặt, việc bà C, ông D vắng mặt mà không có lý do chính đáng là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về số tiền nợ gốc đã trả thay cho Ngân hàng:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà A về việc đòi lại số tiền gốc là 200.000.000 đồng mà bà đã cho bà C mượn để trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông D vắng mặt. Tuy nhiên căn cứ vào “*Hợp đồng tín dụng số: 5617-LAV-2019 03751 ngày 19 tháng 6 năm 2019*” và “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 478018/HĐTC-QSĐĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019*” được xác lập giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và bà C (bà C là người đại diện theo uỷ quyền cho bà A, ông F và bà E đi vay tiền từ Ngân hàng với số tiền là 500.000.000 đồng) có chữ ký và chữ viết của bà C nên Hội đồng xét xử xác định giao dịch mà các bên vay tiền chung tại Ngân hàng là có thật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các Điều 385, 401, 463 của Bộ luật dân sự và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Qua nội dung vụ án thấy rằng giữa bà A, bà C và bà E là chị em ruột từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì, do nhu cầu cần tiền để mua đất rẫy nên các bên đã thống nhất ủy quyền cho bà C đứng ra là thủ tục vay và thế chấp 03 Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng

đất cụ thể là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI 229807, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 00697/CL do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 12 tháng 6 năm 2017 cho bà C và ông D với diện tích đất 572,1m², thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 43, toạ lạc tại thôn BL, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI 229628, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 00687/CNTN do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017 cho bà A với diện tích đất 561,8 m², thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 45, toạ lạc tại thôn BL, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI 229630, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 00688/CNTN do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017 cho bà E và ông F với diện tích đất 258 m², thuộc thửa đất số 169, tờ bản đồ số 45, toạ lạc tại thôn BL, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước để vay 500.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Sau khi nhận được tiền vay thì các bên về nhà bà C để chia số tiền cụ thể như sau: Bà C, ông D sử dụng số tiền 200.000.000 đồng, bà A sử dụng số tiền 200.000.000 đồng, bà E, ông F sử dụng số tiền 100.000.000 đồng, do là chỗ chị em ruột với nhau nên khi chia số tiền trên các bên không có lập giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến việc này. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ cho Ngân hàng thì bà C không có khả năng trả số tiền gốc và lãi nên các bên đã thỏa thuận là bà A bán đất của mình cho bà G lấy tiền trả thay cho bà C, bà E cũng như khoản vay của phần bà A. Chính bà G là người đã ra Ngân hàng cùng với bà E, bà C, bà A trả hết số tiền còn lại là 377.000.000 đồng tiền gốc để tắt toán khoản vay và lấy lại ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục sang tên đối với diện tích đất đã sang nhượng từ bà A. Toàn bộ sự kiện này đã được bà E, ông F, bà G thừa nhận tại phiên tòa cũng như quá trình thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, sau khi bà C ký các giấy tờ tắt toán khoản vay tại Ngân hàng xong thì chỉ có bà E đã trả cho bà A phần tiền góp vay chung của mình là 100.000.000 đồng, còn bà C, ông D không trả số tiền 200.000.000 đồng mà bà A đã trả thay cho bà C nên bà A vẫn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C, ông D. Cho nên, việc bà A yêu cầu Tòa án buộc bà C, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền gốc mà bà đã cho bà C mượn để trả cho Ngân hàng với số tiền là 200.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về số tiền lãi đã trả thay cho Ngân hàng:

Tại đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà A yêu cầu bà C, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền lãi mà bà A đã trả

thay cho Ngân hàng là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên toà, bà A đã rút yêu cầu này. Xét thấy việc bà A rút yêu cầu bà C, ông D trả số tiền lãi 30.000.000 đồng trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và căn đình chỉ đối với yêu cầu này của bà A.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C, ông D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228; 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 116; 280; 288; 463; 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị A về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

2. Tuyên xử:

Buộc bà Phạm Thị C, ông Mai Thanh D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị A số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A đối với bà Phạm Thị C, ông Mai Thanh D về số tiền lãi là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi bà Phạm Thị C, ông Mai Thanh D hoàn tất việc trả nợ thì bà Phạm Thị A phải có trách nhiệm trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI 229807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 00697/CL do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 12 tháng 6 năm 2017 với diện tích đất

572,1m², thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại thôn BL, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cho bà Phạm Thị C và ông Mai Thanh D sử dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị C, ông Mai Thanh D liên đới phải nộp 10.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị A số tiền tạm ứng án phí là 5.750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008199 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh